TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **157**/2024/DS-ST
Ngày: 10/9/2024
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Giàu

2. Bà Nguyễn Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 953/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S**

Trụ sở tại: 266-268, N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn H – Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S kiêm Trưởng phòng G (theo giấy ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của TGĐ Ngân hàng thương mại cổ phần S).

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1979. Địa chỉ 3 Xa lộ H, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (theo giấy ủy quyền ngày 22/8/2024).

2. Bị đơn: Ông **Lê Vũ Đàm T**, sinh năm 1993

Trú tại: tổ C, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông P, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2023, tại bản tự khai đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Phạm Văn P trình bày:

Ngày 29/11/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) – phòng G có cấp cho ông Lê Vũ Đàm T thẻ tín dụng cá nhân số thẻ 472074-3869 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Tính từ thời điểm ông Lê Vũ Đàm T phát sinh giao dịch thẻ tín dụng. Ông Lê Vũ Đàm T đã thanh toán cho Ngân hàng các khoản gốc và lãi được số tiền 6.210.381 đồng, kể từ ngày 10/6/2023 thì ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tính đến ngày 28/9/2023, ông Lê Vũ Đàm T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền như sau: số tiền gốc vay là 34.896.355 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.364.838 đồng; tổng cộng là 37.261.193 đồng.

Trong quá trình vay vốn Ngân hàng đã nhiều lần tiến hành làm việc với ông Lê Vũ Đàm T về việc yêu cầu thanh toán khoản nợ vay, tuy nhiên phía khách hàng vẫn không thực hiện đúng theo các cam kết trả nợ vay đã thỏa thuận. Việc ông T chậm trả gốc và tiền lãi vay đến hạn thanh toán cũng như hành vi cố tình chây ỳ trong quá trình giải quyết nợ vay là vi phạm hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Vũ Đàm T phải thanh toán ngay số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu là 37.261.193 đồng; trong đó nợ là 34.896.355 đồng; tiền lãi quá hạn là 2.364.838 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/9/2023 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ.

Tính đến ngày 10/9/2024, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Vũ Đàm T phải thanh toán ngay số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu là 52.331.732 đồng (trong đó nợ là 33.396.355 đồng, tiền lãi quá hạn là 18.935.377 đồng) và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 10/9/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Tại bản tự khai ngày 06/8/2024, bị đơn ông Lê Vũ Đàm T trình bày:

Ngày 29/11/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần S – phòng G có cấp cho ông thẻ tín dụng cá nhân số thẻ 472074-3869, số tài khoản thẻ 3942629118, hạn mức thẻ là 30.000.000 đồng; Tính đến ngày 28/9/2023, ông còn nợ Ngân hàng tổng số tiền như sau: số tiền gốc vay là 34.896.355 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.364.838 đồng; tổng cộng là 37.261.193 đồng. Ông đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền trên do kinh tế khó khăn nên ông xin trả dần.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Vũ Đàm T có địa chỉ tại tổ C, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Phạm Văn P và bị đơn ông Lê Vũ Đàm T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Lê Vũ Đàm T thanh toán tiền còn nợ của thẻ tín dụng số 472074-3869 ngày 29/11/2022, nên được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xét thấy:

Ngày 29/11/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần S – phòng G có cấp cho ông Lê Vũ Đàm T thẻ tín dụng cá nhân số thẻ 472074-3869 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 10/6/2023 thì ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Trong quá trình vay vốn Ngân hàng đã nhiều lần tiến hành làm việc với ông Lê Vũ Đàm T về việc yêu cầu thanh toán khoản nợ vay, tuy nhiên phía khách hàng vẫn không thực hiện đúng theo các cam kết trả nợ vay đã thỏa thuận. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Vũ Đàm T phải thanh toán ngay số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu tạm tính đến ngày 28/9/2023 là 37.261.193 đồng (trong đó nợ là 34.896.355 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.364.838 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/9/2023 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ.

Tính đến ngày 10/9/2024, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Vũ Đàm T phải thanh toán ngay số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu là 52.331.732 đồng (trong đó nợ là 33.396.355 đồng, tiền lãi quá hạn là 18.935.377 đồng) và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 10/9/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Lê Vũ Đàm T cũng thừa nhận Ngân hàng có cấp cho ông thẻ tín dụng cá nhân số thẻ 472074-3869, số tài khoản thẻ 3942629118, hạn mức thẻ là 30.000.000 đồng; Tính đến ngày 28/9/2023, ông còn nợ Ngân hàng tổng số tiền như sau: số tiền gốc vay là 34.896.355 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.364.838 đồng; tổng cộng là 37.261.193 đồng. Ông đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền trên do kinh tế khó khăn nên ông xin trả dần.

Xét thấy, việc ông Lê Vũ Đàm T có ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần S Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 29/11/2022 là có thật, ông T cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng do kinh tế khó khăn nên ông xin trả dần. Do đó việc Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện ông Lê Vũ Đàm T là có cơ sở chấp nhận. Buộc ông Lê Vũ Đàm T có nghĩa thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 10/9/2024)

số tiền 52.331.732 đồng; trong đó nợ gốc là 33.396.355 đồng; tiền lãi quá hạn là 18.935.377 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/9/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số thẻ 472074-3869 ngày 29/11/2022 cho đến khi trả hết nợ.

[5] Về án phí: Ông Lê Vũ Đàm T phải chịu số tiền 2.617.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 931.500 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng của Quốc hội số 47/2010/QH12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Lê Vũ Đàm T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Lê Vũ Đàm T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 10/9/2024) số tiền 52.331.732 đồng; trong đó nợ gốc là 33.396.355 đồng; tiền lãi quá hạn là 18.935.377 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/9/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số thẻ 472074-3869 ngày 29/11/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí:

+ Ông Lê Vũ Đàm T phải chịu số tiền 2.617.000 đồng (Hai triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 931.500 đồng (Chín trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0009410 ngày 03/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Loan Trần Hải Yến